

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T16XDC

TÊN HỌC PHẦN: SỨC BỀN VẬT LIỆU 1

HỌC KỲ 2

MÃ HỌC PHẦN: MEC - 211

TÍN CHỈ 3

Ngày thi: 11/04/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	152220373	ĐÀO THIÊN KHÁNH	T16XDC	9			6.9		9			6	7.0	Baý			
2	152221972	NGUYỄN XUÂN THỌ	T16XDC	0			0		0			HP	0.0	Khăng			
3	168212005	LÊ Y HỌC	T16XDC	8			5.2		5.5			6	6.1	Sầu pháy Mầu			
4	168212048	ĐẶNG XUÂN THU	T16XDC	9.5			6.3		5.5			6	6.5	Sầu pháy Năm			
5	168222063	NGUYỄN ĐÔNG ANH	T16XDC	8			8.8		9			8	8.3	Tầm pháy Ba			
6	168222064	TRẦN VĂN ANH	T16XDC	8			7.4		8.5			7	7.4	Baý pháy Bẩu			
7	168222066	HỒ TRẦN ANH BẢO	T16XDC	10			6.3		3.5			6	6.3	Sầu pháy Ba			
8	168222067	NGUYỄN PHÚ CHÂU	T16XDC	9			4.6		2			5.5	5.4	Nằm pháy Bẩu			
9	168222068	BÙI ĐỨC CHU	T16XDC	9			7.9		6			5.5	6.5	Sầu pháy Năm			
10	168222070	PHAN ĐÌNH CÔNG	T16XDC	8			5.6		2.5			5	5.2	Nằm pháy Hai			
11	168222072	LÊ PHƯỚC ĐẠT	T16XDC	4			5.6		5			6.5	5.8	Nằm pháy Tầm			
12	168222073	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	T16XDC	9			9		5.5			7	7.4	Baý pháy Bẩu			
13	168222074	TRẦN CÔNG ĐỨC	T16XDC	9.5			6.3		5.5			7	7.0	Baý			
14	168222075	TRẦN XUÂN ĐỨC	T16XDC	10			8.1		6.5			6	7.0	Baý			
15	168222076	TRẦN NHẬT GIANG	T16XDC	6			4.7		6.5			6	5.9	Nằm pháy Chèn			
16	168222079	BÙI HỮU NHẬT HẠNH	T16XDC	10			6.6		7.5			7	7.5	Baý pháy Năm			
17	168222080	MAI VĂN HIỆU	T16XDC	9			6.2		5.5			6	6.4	Sầu pháy Bẩu			
18	168222081	NGUYỄN VĂN HÒA	T16XDC	9			7.8		6.5			8.5	8.2	Tầm pháy Hai			
19	168222082	NGUYỄN CẢNH HOÀN	T16XDC	5			4.5		5			6	5.5	Nằm pháy Năm			
20	168222083	NGUYỄN HỮU HÙNG	T16XDC	0			0		0			HP	0.0	Khăng			
21	168222084	LÊ MINH HÙNG	T16XDC	9			7.5		6.5			6.5	7.0	Baý			
22	168222085	NGUYỄN THANH KHA	T16XDC	5			4.3		3.5			6	5.2	Nằm pháy Hai			
23	168222086	NGUYỄN HOÀN KHIÊM	T16XDC	0			0		3			HP	0.0	Khăng			
24	168222087	TRẦN ĐĂNG KHOA	T16XDC	8			7.1		6.5			6.5	6.8	Sầu pháy Tầm			
25	168222088	NGUYỄN TRUNG KIÊN	T16XDC	8			5.6		2			7	6.2	Sầu pháy Hai			
26	168222089	MAI HUỲNH TÂN LÂM	T16XDC	9			6.9		7.5			4	5.7	Nằm pháy Baý			
27	168222090	NGUYỄN QUANG LIỀN	T16XDC	0			2.1		2			8	5.0	Nằm			
28	168222092	THÁI BÁ LINH	T16XDC	9			7.6		7			6.5	7.1	Baý pháy Mầu			
29	168222093	MAI LÊ THẾ LỘC	T16XDC	0			0		0			HP	0.0	Khăng			
30	168222094	NGUYỄN VĂN LONG	T16XDC	0			0		0			HP	0.0	Khăng			
31	168222095	LÊ QUANG LONG	T16XDC	0			0		0			HP	0.0	Khăng			
32	168222096	THÁI VĂN LƯỢNG	T16XDC	9.5			6.4		3.5			7	6.8	Sầu pháy Tầm			
33	168222097	VŨ VĂN MẮN	T16XDC	3			6.6		6			7	6.2	Sầu pháy Hai			
34	168222098	NGUYỄN VĨNH NAM	T16XDC	9.5			8.4		7.5			8	8.2	Tầm pháy Hai			
35	168222099	DƯƠNG XUÂN NGHIÊM	T16XDC	5			5.9		7			6	6.0	Sầu			
36	168222102	LÊ ĐỨC PHÚ	T16XDC	10			6.9		7			3	0.0	Khăng			
37	168222103	TRẦN ĐÌNH QUANG	T16XDC	0			0		0			HP	0.0	Khăng			
38	168222104	NGUYỄN VĂN SANG	T16XDC	0			0		0			HP	0.0	Khăng			
39	168222105	NGUYỄN ĐĂNG SINH	T16XDC	6			5.7		5			5	5.3	Nằm pháy Ba			
40	168222107	TRẦN ĐÌNH SƠN	T16XDC	2			4.9		6.5			6	5.3	Nằm pháy Ba			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T16XDC

TÊN HỌC PHẦN: SỨC BỀN VẬT LIỆU 1
MÃ HỌC PHẦN : MEC - 211

HỌC KỲ 2
TÍN CHỈ 3
LẦN THI 1

Ngày thi: 11/04/2011

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
41	168222108	LÊ SỰ	T16XDC	10			7.9		8			8.5	8.6	Tạm phép Sài		
42	168222109	TRẦN QUỐC SỸ	T16XDC	10			8.6		8			6.5	7.6	Báý phép Sài		
43	168222110	ĐÌNH XUÂN TÂM	T16XDC	9			6.6		3.5			4.5	5.3	Nằm phép Ba		
44	168222111	PHẠM HỮU THÀNH	T16XDC	5			4.4		4			5	4.8	Bấú phép Tâm		
45	168222112	TRẦN HỮU THÀNH	T16XDC	3			3.1		0			HP	0.0	Khăng		
46	168222115	HOÀNG THỊ THU THỦY	T16XDC	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
47	168222116	NGUYỄN HOÀNG THUYỀN	T16XDC	10			5.6		4.5			6	6.3	Sầu phép Ba		
48	168222117	NGUYỄN VĂN TIỀN	T16XDC	8			7.3		3			3	0.0	Khăng		
49	168222119	NGUYỄN QUANG TRUNG	T16XDC	4			5		5			4	4.3	Bấú phép Ba		
50	168222121	NGUYỄN TÂN TRƯỜNG	T16XDC	9			5.4		5.5			4	5.2	Nằm phép Hai		
51	168222122	TRẦN ĐÌNH TRƯỜNG	T16XDC	9.5			8.1		7.5			6	7.1	Báý phép Mấú		
52	168222123	ĐOÀN ĐÌNH TỰ	T16XDC	10			6.4		8			6	7.0	Báý		
53	168222124	MAI PHƯỚC TỰ	T16XDC	9.5			8.9		8			6	7.3	Báý phép Ba		
54	168222126	NGUYỄN VĂN TUÂN	T16XDC	10			7.4		3.5			5.5	6.2	Sầu phép Hai		
55	168222127	TRẦN TRỌNG TƯỜNG	T16XDC	6			5.9		4			5.5	5.4	Nằm phép Bấú		
56	168222128	HỒ PHƯỚC VIỆT	T16XDC	9.5			6.6		6.5			HP	0.0	Khăng		
57	168222131	LÊ CÔNG VŨ	T16XDC	8			5.1		5			5.5	5.7	Nằm phép Báý		
58	168222132	NGUYỄN QUỐC VƯƠNG	T16XDC	8			7.7		6.5			7	7.2	Báý phép Hai		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	45	78%	
2	Số sinh viên nợ	13	22%	
TỔNG CỘNG :		58	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 04 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú